

Trà Vinh, ngày tháng 04 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: **Quý đơn vị;**

Lời đầu tiên, Bệnh viện Sản – Nhi Trà Vinh xin chân thành cảm ơn sự quan tâm của quý đơn vị. Bệnh viện Sản - Nhi có nhu cầu tiếp nhận báo giá làm cơ sở xây dựng giá gói thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua in ấn phẩm năm 2025 cho Bệnh viện Sản - Nhi.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản – Nhi Trà Vinh
- Địa chỉ: Ấp Bến Có, xã Nguyệt Hoá, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Quý đơn vị gửi về Bệnh viện Sản – Nhi Trà Vinh

- Gmail: bvsn.syt@travinh.gov.vn

3. Thông tin của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Trương Minh Quang – Số điện thoại: 0969 666 105.
- Gmail: minhquang.bvsn@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ 00 phút, ngày 15/04/2025 đến trước 17 giờ 00 phút ngày 25/04/2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 25 tháng 04 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục Mua in ấn phẩm năm 2025 cho Bệnh viện Sản - Nhi.

STT	Tên hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Quy cách, yêu cầu về kỹ thuật
1	Bảng kiểm an toàn phẫu thuật	Tờ	8.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 2 mặt, chữ đen
2	Bảng kiểm chuẩn bị và bàn giao người bệnh trước phẫu thuật (<i>Bảng kiểm soát bệnh nhân trước khi đưa lên phòng mổ</i>)	Tờ	11.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
3	Bảng theo dõi trực mổ bồi dưỡng làm thêm giờ	Tờ	4.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 2 mặt, chữ đen
4	Bao phim X-Quang lớn	Cái	300	- Túi PE màu xanh - In thông tin 1 mặt - Kích thước: 35x50 cm
5	Bao phim X-Quang nhỏ	Cái	300	- Túi PE màu xanh - In thông tin 1 mặt - Kích thước: 30x40 cm
6	Biên bản bàn giao trẻ sơ sinh	Tờ	8.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
7	Biên bản hội chẩn thông qua mổ (<i>Biên bản hội chẩn phẫu thuật</i>)	Tờ	11.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
8	Phiếu yêu cầu sử dụng kháng sinh cần ưu tiên quản lý (<i>Biên bản hội chẩn sử dụng thuốc</i>)	Tờ	4.500	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
9	Biểu đồ chuyển dạ	Tờ	3.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
10	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức	Tờ	11.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 2 mặt, chữ đen
11	Giấy chứng nhận phẫu thuật	Tờ	8.000	- Giấy A5 hồng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen

12	Giấy chuyển tuyến	Tờ	1.500	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 2 mặt, chữ đen
13	Phiếu điện tim (ECG)	Tờ	30.500	- Giấy A3 trắng, định lượng 60 - In 2 mặt, chữ đen
14	Hồ sơ bệnh án Ngoại nhi	Bộ	3.500	- Giấy A3 gấp đôi, ruột giấy bãi bằng, định lượng 60 - In mặt bìa xanh, cán PE mặt trong 1 mặt
15	Hồ sơ bệnh án Nhi khoa	Bộ	41.000	- Giấy A3 gấp đôi, ruột giấy bãi bằng, định lượng 60 - In mặt bìa xanh, cán PE mặt trong 1 mặt
16	Hồ sơ bệnh án Phụ khoa	Bộ	8.000	- Giấy A3 gấp đôi, ruột giấy bãi bằng, định lượng 60 - In mặt bìa vàng, cán PE mặt trong 1 mặt
17	Hồ sơ bệnh án Sản khoa	Bộ	20.000	- Giấy A3 gấp đôi, ruột giấy bãi bằng, định lượng 60 - In mặt bìa xanh, cán PE mặt trong 1 mặt
18	Hồ sơ bệnh án Sơ sinh	Bộ	2.000	- Giấy A3 gấp đôi, ruột giấy bãi bằng, định lượng 60 - In mặt bìa hồng, cán PE mặt trong 1 mặt
19	Phiếu sàng lọc và đánh giá dinh dưỡng người bệnh nội trú (<i>Phiếu đánh giá tình trạng dinh dưỡng dành cho người bệnh không mang thai</i>)	Tờ	2.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
20	Phiếu đánh giá tình trạng dinh dưỡng dùng cho phụ nữ mang thai	Tờ	20.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 2 mặt, chữ đen
21	Phiếu sàng lọc và đánh giá dinh dưỡng bệnh nhi (<i>Phiếu đánh giá tình trạng dinh dưỡng dùng cho trẻ em nằm viện</i>)	Tờ	40.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen

22	Phiếu xác nhận đồng ý xét nghiệm HIV	Tờ	30.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
23	Phiếu gây mê hồi sức	Tờ	8.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
24	Phiếu lập kế hoạch chăm sóc	Tờ	19.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 2 mặt, chữ đen
25	Phiếu sử dụng VTYT tiêu hao cho đỡ đẻ	Tờ	3.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
26	Phiếu sử dụng VTYT tiêu hao khoa PT-GMHS	Tờ	8.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
27	Phiếu tự khai - Ủy nhiệm bàn giao trẻ sơ sinh	Tờ	8.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
28	Phiếu theo dõi điều trị	Tờ	155.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 2 mặt, chữ đen
29	Phiếu truyền máu	Tờ	3.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
30	Phiếu theo dõi và chăm sóc (cấp 2-3)	Tờ	140.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 2 mặt, chữ đen
31	Phiếu theo dõi truyền dịch	Tờ	29.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
32	Phiếu trả bệnh án	Tờ	9.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
33	Phiếu chỉ định xét nghiệm giải phẫu bệnh sinh thiết	Tờ	2.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 2 mặt, chữ đen
34	Phiếu phẫu thuật - thủ thuật	Tờ	8.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 2 mặt, chữ đen
35	Sổ bàn giao thuốc tử trực	Cuốn	50	- Giấy A3 gấp đôi, bìa màu xanh

				- Ruột giấy ford, định lượng 60 - Cuộn/100 trang
36	Sổ đê	Cuốn	10	- Giấy A4 đóng cuốn, bìa màu xanh - Ruột giấy ford, định lượng 60 - Cuộn/100 trang
37	Sổ hợp giao ban	Cuốn	200	- Giấy A3 gấp đôi, bìa màu xanh - Ruột giấy ford, định lượng 60 - Cuộn/100 trang
38	Sổ kiểm tra buồng bệnh	Cuốn	50	- Giấy A3 gấp đôi, bìa màu xanh - Ruột giấy ford, định lượng 60 - Cuộn/100 trang
39	Sổ kiểm thảo tử vong	Cuốn	1	- Giấy A3 gấp đôi, bìa màu xanh, trang đầu in như trang bìa - Ruột giấy ford, định lượng 60 - Cuộn/100 trang
40	Sổ lĩnh văn phòng phẩm, ấn phẩm, VRMH	Cuốn	40	- Giấy A4 gấp đôi, bìa màu xanh - Ruột giấy ford, định lượng 60 - Cuộn/20 trang
41	Sổ mời hội chẩn	Cuốn	25	- Giấy A4 gấp đôi, bìa màu xanh - Ruột giấy ford, định lượng 60 - Cuộn/100 trang
42	Thông tin bệnh nhân (Phiếu thông tin nhập viện)	Tờ	31.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 2 mặt, chữ đen
43	Trích biên bản hội chẩn	Tờ	5.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen

44	Bảng kiểm thực hiện kiểm tra, đối chiếu người bệnh và dịch vụ cung cấp	Tờ	26.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
45	Bảng kiểm đối chiếu người bệnh	Tờ	26.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
46	Bảng kiểm tiêm chủng đối với trẻ <1 tháng tuổi tại các cơ sở tiêm chủng thuộc bệnh viện	Tờ	10.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen

Ghi chú: Có hàng mẫu.

2. Địa điểm khảo sát và thực hiện công việc: Bệnh viện Sản – Nhi Trà Vinh

Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TTHCVCBMT

GIÁM ĐỐC

Lê Minh Dũng